

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 18 - 6 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **298/2020/TLST-HNGĐ** ngày 27/11/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trương Thị N** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông **Tăng M** (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020 nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:

Năm 2005 bà Trương Thị N và ông Tăng M tổ chức lễ cưới, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2011.

Trong quá trình chung sống, bà và ông Tăng M có 03 con chung là Tăng Thị Thùy D, sinh ngày 05/11/2006, Tăng Tấn T, sinh ngày 14/3/2011 và Tăng Thị Cẩm N1, sinh ngày 15/9/2006.

Thời gian đầu, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau.

Nay bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Tăng M.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con là Tăng Thị Thùy D, sinh ngày 05/11/2006, Tăng Tấn T, sinh ngày 14/3/2011 và Tăng Thị Cẩm N1, sinh ngày 15/9/2006 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Tăng M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 25/12/2020 và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/12/2020 bị đơn ông Tăng M trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Trương Thị N về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N thì ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị N.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi 02 con chung là Tăng Thị Thùy D, sinh ngày 05/11/2006 và Tăng Tấn T, sinh ngày 14/3/2011 đến tuổi trưởng thành, ông yêu cầu bà Trương Thị N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông đồng ý giao con là cháu Tăng Thị Cẩm N1, sinh ngày 15/9/2006 cho bà Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà Trương Thị N và bị đơn ông Tăng M đều có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị N đối với ông Tăng M, cho bà Trương Thị N và ông Tăng M ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; về con chung: Hiện nay các cháu Tăng Thị Thùy D, Tăng Thị Cẩm N1 và Tăng Tấn T đang do bà Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trương Thị N có công việc ổn định, hơn nữa các cháu Tăng Thị Thùy D, Tăng Thị Cẩm N1 và Tăng Tấn T đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao các cháu Tăng Thị Thùy D, Tăng Thị Cẩm N1 và Tăng Tấn T cho bà Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông Tăng M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trương Thị N không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều tự trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tăng M; Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con là Tăng Thị Thùy D, sinh ngày 05/11/2006, Tăng Tấn T, sinh ngày 14/3/2011 và Tăng Thị Cẩm N1, sinh ngày 15/9/2006 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Tăng M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Trương Thị N và bị đơn ông Tăng M đều có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị N và ông Tăng M tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2011, tại thời điểm kết hôn cả 02 đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị N và ông Tăng M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà Trương Thị N và ông Tăng M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp nhau. Bà Trương Thị N đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Tăng M. Phía ông Tăng M cũng đồng ý ly hôn với bà Trương Thị N. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn

nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà Trương Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Tăng M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N và giải quyết cho bà Trương Thị N được ly hôn với ông Tăng M.

[2] Về con chung: Nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày trong quá trình chung sống thì bà và ông Tăng M có 03 con chung gồm: Tăng Thị Thùy D, sinh ngày 05/11/2006; Tăng Thị Cẩm N1, sinh ngày 15/9/2006 và Tăng Tấn T, sinh ngày 14/3/2011. Hiện nay, các cháu đang do bà Trương Thị N nuôi dưỡng. Bà Trương Thị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Tăng M cấp dưỡng nuôi con. Phía bị đơn ông Tăng M cũng thừa nhận trong quá trình chung sống ông và bà Trương Thị N có 03 con chung như bà Trương Thị N trình bày. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con là cháu Tăng Thị Thùy D và Tăng Tấn T đến tuổi trưởng thành và yêu cầu bà Trương Thị N cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định của pháp luật. Ông đồng ý giao cháu Tăng Thị Cẩm N1 cho bà Trương Thị N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các cháu Tăng Thị Thùy D, Tăng Thị Cẩm N1 và Tăng Tấn T đang sống chung với bà Trương Thị N và các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ, bà Trương Thị N cũng có công việc ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành. Đồng thời, khi bà Trương Thị N và ông Tăng M phát sinh mâu thuẫn thì bà Trương Thị N đã đưa các con về nhà cha, mẹ ruột tại xã P, huyện C sinh sống, các cháu được bà Trương Thị N cho đi học đầy đủ, hiện nay cháu Tăng Thị Thùy D đang học tại Trường TH&THCS PT, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và cháu Tăng Tấn T đang học tại Trường Tiểu học PT B, xã P, huyện C, các cháu đều có kết quả học tập tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu Tăng Thị Thùy D, Tăng Thị Cẩm N1 và Tăng Tấn T, tránh làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và việc học tập của các cháu nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N, giao cháu Tăng Thị Thùy D, Tăng Thị Cẩm N1 và Tăng Tấn T cho bà Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; ông Tăng M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trương Thị N không yêu cầu. Sau khi ly hôn, ông Tăng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị N và ông Tăng M đều trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị N được ly hôn với ông Tăng M.

- Về con chung:

+ Giao cháu Tăng Thị Thùy D, sinh ngày 05/11/2006; Tăng Thị Cẩm N1, sinh ngày 15/9/2006 và Tăng Tấn T, sinh ngày 14/3/2011 cho bà Trương Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông Tăng M không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trương Thị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Tăng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị N và ông Tăng M đều trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005349 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà Trương Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam